

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Kiên

2. Bà Huỳnh Thị Phương Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 277/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 28, ấp Tr, xã Th, huyện G, tỉnh Tn;

Tạm trú: Ấp B, xã Th, huyện G, tỉnh Tn.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm: 1977

Địa chỉ Tổ 28, ấp Tr, xã Th, huyện G, tỉnh Tn.

Chị T và anh L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-3-2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh L chung sống với nhau từ năm 1998, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh L không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th năm 2002.

Sau khi kết hôn, chị và anh L sống chung với cha mẹ chồng tại ấp Tr, xã Th, huyện G, tỉnh Tn. Được khoảng 01 năm thì chị và anh L ra sống riêng. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì anh L bắt đầu nảy sinh tật xấu, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần đi nhậu về anh thường kiếm chuyện chửi mắng đến 01, 02 giờ sáng và nhiều lần đuổi chị đi ra khỏi nhà. Vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng hơn 20 năm nay để con cái có cha có mẹ nhưng cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do không thể chịu đựng được thêm nữa nên vợ chồng nhiều lần cãi nhau và anh L đánh chị gây thương tích. Tháng 3/2021, chị bỏ về nhà mẹ ruột ở nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh L.

Về nuôi con: Chị và anh L có 02 người con chung tên Trần Thanh Tm, sinh năm 1999 và Trần Thị Bích N, sinh ngày 06-6-2005. Hiện cháu Tm đã trưởng thành và đã lập gia đình nên chị không yêu cầu giải quyết, còn cháu N thì đang ở cùng với anh L. Nay cháu N vẫn chưa thành niên nên theo nguyện vọng của cháu muốn ở với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh L chung sống có tài sản chung là 01 căn nhà và phần đất tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện G, tỉnh Tn. Hiện nhà đất do anh L đang quản lý, sử dụng nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn anh L thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L;

Về con chung: giao cho anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị Bích N, sinh ngày 06-6-2005. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị T có đơn xin vắng

mặt, còn bị đơn anh Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Ngô Thị T và anh Trần Thanh L là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị T thì nguyên nhân là do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần đi nhậu về anh L hay kiểm chuyện chửi mắng đến 01, 02 giờ sáng và nhiều lần đánh, đuổi chị đi ra khỏi nhà. Cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị thường xuyên cãi nhau. Tháng 3-2021, chị T bỏ về nhà mẹ ruột ở nên vợ anh chị sống ly thân cho đến nay. Từ khi chị T nộp đơn ly hôn đến nay, mặc dù có thông báo cho anh L biết và anh L đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

Qua xác minh thu thập chứng cứ đối với bà Nguyễn Thị M – mẹ ruột anh L cung cấp: trong thời gian chung sống, anh L có đánh chị T nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Anh L đã nhiều lần kêu chị T quay về nhưng chị T không đồng ý.

Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, anh L cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con*:

[3.1] Anh chị có 02 người con chung tên Trần Thanh Tm, sinh năm 1999 và Trần Thị Bích N, sinh ngày 06-6-2005. Hiện cháu Tm đã thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được nên chị T không yêu cầu giải quyết. Còn đối với cháu N hiện đang sống cùng với anh L, chị T không yêu cầu được nuôi dưỡng.

[3.2] Tòa án đã tiến hành thu thập nguyện vọng của cháu N nhưng cháu N không đồng ý cung cấp và trình bày nguyện vọng của cháu muốn sống cùng với ai. Từ khi chị T và anh L sống ly thân, cháu N do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Qua thu thập chứng cứ, chị T cũng không thể hiện ý chí muốn được nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho anh L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Chị T và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T khai tài sản chung của anh chị gồm có 01 căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện G, tỉnh Tn nhưng chị T không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị T khai không có, chị T và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị T đối với anh Trần Thanh L. Chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh L.

2. Về nuôi con: Giao cho anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị Bích N, sinh ngày 06-6-2005. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với con chung tên Trần Thanh Tm, sinh năm 1999 đã thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được, chị T và anh L không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu số 0024326 ngày 16-5-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Th;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG